

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 3978/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 9 quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2021;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 244/TTr-SGDĐT ngày 25/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2021.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định, đảm bảo đúng đối tượng, đạt mục tiêu đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /v

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH (b/c);
- TTTU, TT HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thanh

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2019 - 2021
(Kèm theo Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2021, chưa được hưởng các chế độ, chính sách hỗ trợ từ Trung ương.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Đối tượng và chính sách áp dụng đối với từng cấp học

1. Trẻ em mầm non

a) Đối tượng áp dụng:

- Trẻ em mầm non là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng không hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non;

- Trẻ em mầm non là người khuyết tật đang học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục là con của gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiền ăn trưa bằng 10% lương cơ sở/trẻ/tháng.

c) Thời gian hỗ trợ: Tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Trường hợp trẻ em mầm non thuộc cả 02 nhóm đối tượng nêu trên thì chỉ được hưởng 01 mức theo quy định.

2. Học sinh phổ thông (không áp dụng đối với học sinh đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú)

a) Đối tượng áp dụng:

- Học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục không thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Học sinh phổ thông là người khuyết tật con của gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục.

b) Chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiền ăn bằng 20% lương cơ sở/học sinh/tháng.

- Hỗ trợ chi phí học tập với mức 120.000 đồng/học sinh/năm học.

c) Thời gian hỗ trợ: Tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Trường hợp học sinh phổ thông thuộc cả 02 nhóm đối tượng nêu trên thì chỉ được hưởng 01 mức theo quy định.

3. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Đối tượng áp dụng:

Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số đang theo học cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nằm trong diện đăng ký và đã thoát khỏi hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ học bổng chính sách mỗi tháng bằng 100% mức tiền lương cơ sở/tháng/người;

- Hỗ trợ mỗi năm một lần tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại:

+ Mức 300.000 đồng/năm/người đối với học sinh, sinh viên ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Mức 200.000 đồng/năm/người đối với các đối tượng còn lại.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ khi thoát khỏi hộ nghèo, cận nghèo cho đến khi kết thúc khóa học.

CHƯƠNG III

THỜI GIAN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 3. Thời gian thực hiện

Chính sách được thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2021, trong đó:

1. Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông: Áp dụng từ ngày 01/01/2019 đến 31/5/2021.

2. Học sinh, sinh viên: Áp dụng từ ngày 01/01/2019 đến hết năm 2021, những học sinh nhập học trước ngày 31/12/2021 sẽ được tiếp tục hỗ trợ cho đến khi hoàn thành khóa học.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí thực hiện.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các ngành, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn quy trình thực hiện và tham mưu Ủy

ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với trẻ mồ côi và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các ngành, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn quy trình thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai thực hiện chính sách; định kỳ (hoặc đột xuất theo yêu cầu) tổng hợp, báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra các cơ sở giáo dục thực hiện chính sách. Hằng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trẻ em mồ côi và học sinh phổ thông), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với học sinh, sinh viên) chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách với Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo đúng quy định.

6. Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục phổ thông, nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này đúng đối tượng và công khai đến từng phụ huynh, học sinh, sinh viên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Thanh